**TOÁN**

# BÀI 22: EM LÀM ĐƯỢC NHỮNG GÌ

**TIẾT 1 – 2 - 3**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù.**

– Ôn tập: đọc – viết các số trong phạm vi 100 000, viết số thành tổng các hàng, số chẵn, số lẻ; các phép tính trong phạm vi 100 000, tính giá trị biểu thức; các đơn vị đo diện tích: ước lượng với xăng-ti-mét vuông, đề-xi-mét vuông, mét vuông; biểu đồ cột.

– Vận dụng để giải quyết các vấn đề đơn giản có liên quan đến các đại lượng: tiền Việt Nam, diện tích, khối lượng, dung tích.

– HS có cơ hội phát triển các năng lực tư duy và lập luận toán học, giao tiếp toán học, mô hình hoá toán học, giải quyết vấn đề toán học và các phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm.

**- 2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, đọc bài và trả lời các câu hỏi. Nêu được nội dung bài.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, giải bài tập, phân tích và hoàn thành yêu cầu các bài toán.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: tham gia thảo luận nhóm phát biểu trước lớp.

**3. Phẩm chất.**

Đoàn kết, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- SHS, VBT, SGV.

– Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.

* GV: Hình ảnh bài Luyện tập 3, 5 và 6 (nếu cần).

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **TIẾT 1 – 2 – 3** | |
| **1. Khởi động.**  **- Mục tiêu:**  + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Ôn tập kiến thức bài cũ về đọc số, viết số trong phạm vi 100 000.  **- Cách tiến hành:** | |
| GV tổ chức trò chơi: **“Đố bạn?”**  − GV đọc một số bất kì trong phạm vi 100 000. | − HS viết số vào bảng con và viết số thành tổng các hàng. Ví dụ:  GV: Tám mươi nghìn không trăm tám mươi. |
| **2. Hoạt động Thực hành, luyện tập.**  **- Mục tiêu:**  – Ôn tập: đọc – viết các số trong phạm vi 100 000, viết số thành tổng các hàng, số chẵn, số lẻ; các phép tính trong phạm vi 100 000, tính giá trị biểu thức; các đơn vị đo diện tích: ước lượng với xăng-ti-mét vuông, đề-xi-mét vuông, mét vuông; biểu đồ cột.  – Vận dụng để giải quyết các vấn đề đơn giản có liên quan đến các đại lượng: tiền Việt Nam, diện tích, khối lượng, dung tích.  – HS có cơ hội phát triển các năng lực tư duy và lập luận toán học, giao tiếp toán học, mô hình hoá toán học, giải quyết vấn đề toán học và các phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm.  **-** Cách tiến hành: | |
| **2.1. Hoạt động 1: Bài tập 1**  - GV yêu cầu HS đọc đề bài.  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm bốn tìm hiểubài, tìm cách làm: **đọc** số – **viết** số – xác định số chẵn, số lẻ; viết số thành tổng (có thể chia mỗi HS / câu, sau đó chia sẻ cùng nhau).  – Sửa bài, GV cho HS **trình bày** theo nhóm (mỗi nhóm / câu), **khuyến khích** HS nói cách làm.  ...  *Lưu ý:* GV cũng có thể đọc từng câu cho HS thực hiện lần lượt vào bảng con.  **2.2. Hoạt động 2: Bài tập 2**  - GV yêu cầu HS đọc đề bài.  – Sửa bài, GV **khuyến khích** HS **nói** cách đặt tính và thứ tự tính.  (GV cũng có thể đọc lần lượt từng phép tính cho HS thực hiện vào bảng con.) | * HS đọc đề bài. * HS thảo luận (nhóm bốn) **tìm hiểu** bài, tìm cách làm: **đọc** số – **viết** số – xác định số chẵn, số lẻ; viết số thành tổng (có thể chia mỗi HS / câu, sau đó chia sẻ cùng nhau). * HS làm cá nhân rồi chia sẻ trong nhóm. * HS trình bày:   Ví dụ: c) 20 687 có chữ số tận cùng (chữ số hàng đơn vị) là 7 → Số lẻ.  – HS **đọc** yêu cầu.  – HS **xác định** các việc cần làm: **đặt tính** rồi **tính**.  – HS làm cá nhân rồi chia sẻ với bạn. |
| **2.3. Hoạt động 3: Bài tập 3**  - GV yêu cầu HS đọc đề bài.  – Sửa bài, GV khuyến khích HS nói tại sao lại chọn đáp án A và đáp án D. | – HS đọc yêu cầu.  – HS tìm hiểu và làm bài cá nhân.  Ví dụ: Mua 6 cái bút và 6 quyển vở, có thể tính tiền từng loại rồi tính tổng (đáp án A)  cũng có thể tính tổng tiền của 1 cái bút và 1 quyển vở rồi nhân với 6 (đáp án D).  → Khi nhân một số với một tổng, ta có thể nhân số đó với từng số hạng của tổng, rồi cộng các kết quả với nhau. |
| **2.4. Hoạt động 4: Bài tập 4**  - GV yêu cầu HS đọc đề bài.  – GV giúp HS **xác định** độ lớn của 1 cm2, 1 dm2 hay 1 m2.   * GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm bốn.   – Khi sửa bài, GV **khuyến khích** HS **giải thích** cách làm.  Ví dụ: Diện tích một chiếc nhãn vở là 15 cm2, không thể bằng 15 m2 (lớn bằng nền một căn phòng); không thể bằng 15 dm2 (lớn hơn bìa quyển sách). | * HS đọc yêu cầu đề bài.   – HS nhóm bốn **tìm hiểu** bài, **nhận biết** cách ước lượng. Ví dụ:  Diện tích một chiếc nhãn vở: 15 .?.  Nếu 15 m2 tức là 1 500 dm2, HS nhìn lên bảng lớp hoặc nhìn xuống nền gạch để xác định  15 m2: lớn quá, không thể dán vào bìa tập để ghi tên – lớp ...  Nếu 15 cm2: bằng khoảng 3 ngón tay chụm lại, hợp lí. Chọn 15 cm2.  – HS **thực hiện**.  Nếu 15 dm2: lớn hơn bìa quyển sách Toán 4, không hợp lí. |
| **2.5. Hoạt động 5: Bài tập 5**  - GV yêu cầu HS đọc đề bài.  - GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm bốn tìm hiểu bài toán, giải bài toán.  – Sửa bài, GV khuyến khích HS giải thích cách làm.  Ví dụ:  Cách 1: Tính số mảnh vải may 1 mặt của cái mền → Tính số mảnh vải may 1 cái mền (2 lớp)  → Tính số mảnh vải may 3 cái mền.  Bài giải  1 mảnh vải hình vuông có diện tích là 1 dm2.  1 mặt của cái mền có diện tích là 1 m2 = 100 dm2.  100 : 1 = 100  Để may được 1 lớp của cái mền thì cần 100 mảnh vải.  100 × 2 = 200  Để may được 1 cái mền thì cần 200 mảnh vải.  200 × 3 = 600  Để may được 3 cái mền, cần 600 mảnh vải.  Cách 2: Tính số mảnh vải may 1 mặt và tính số mặt của 3 cái mền → Tính số mảnh vải may 3 cái mền.  Bài giải  1 mảnh vải hình vuông có diện tích là 1 dm2.  1 mặt của cái mền có diện tích là 1 m2 = 100 dm2.  100 : 1 = 100  Để may được 1 mặt của cái mền thì cần 100 mảnh vải.  2 × 3 = 6  3 cái mền có 6 mặt.  100 × 6 = 600  Để may được 3 cái mền, cần 600 mảnh vải.  ... | – HS đọc yêu cầu.  – HS thảo luận (nhóm bốn) tìm hiểu bài toán, giải bài toán.  – HS làm cá nhân rồi chia sẻ với bạn trong nhóm.   * HS lên bảng trình bày cách làm. HS có thể làm nhiều cách. |
| **2.6. Hoạt động 6: Bài tập 6**  – GV **giới thiệu:** Tìm hiểu về tình hình thực phẩm dư thừa ở bốn ngày cuối tuần, người ta **thu thập**, **phân loại**, **kiểm đếm** và thể hiện qua biểu đồ cột trong SGK trang 53.   * GV yêu cầu HS đọc đề bài. * GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm đôi.   – Sửa bài, GV **khuyến khích** HS **giải thích** vì sao trả lời như vậy.  A picture containing text, screenshot, line, yellow  Description automatically generated   * Sau khi sửa bài, GV giáo dục HS tinh thần trách nhiệm, sống tiết kiệm,… | – HS **đọc** yêu cầu.  – HS thảo luận (nhóm đôi) **tìm hiểu** số liệu trên biểu đồ cột.   * HS thực hiện cá nhân rồi chia sẻ với bạn. * HS trình bày bài làm trước lớp và nhận xét bài làm của bạn.   Ví dụ:  Dự vào biểu đồ:   1. Từ thứ Năm đến Chủ nhật, lượng thực phẩm dư thừa tăng (HS vừa nói vừa chỉ vào các số liệu trên biểu đồ) 2. 26kg ; 30kg; 50kg; 70kg. 3. (26 + 30 + 50 + 70) : 4 = 44   Trong bốn ngày cuối tuần, trung bình mỗi ngày khách đã lãng phí 44kg thực phẩm. |
| **3. Hoạt động vận dụng trải nghiệm**  - Mục tiêu:  – Vận dụng để giải quyết các vấn đề đơn giản có liên quan đến các đại lượng: tiền Việt Nam, diện tích, khối lượng, dung tích.  – HS có cơ hội phát triển các năng lực tư duy và lập luận toán học, giao tiếp toán học, mô hình hoá toán học, giải quyết vấn đề toán học và các phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm.  - HS được rèn ý thức sử dụng tiết kiệm.  **- Cách tiến hành:** | |
| * GV yêu cầu HS đọc đề bài và khai thác thông tin bài toán. * GV mời HS lên bảng trình bày.   – Khi sửa bài, GV **khuyến khích** HS nói cách làm, có thể gọi các HS trình bày những cách làm khác nhau.  Ví dụ: HS có thể tìm số lít nước 1 người tiết kiệm được trong 1 ngày → Tìm số lít nước  1 người tiết kiệm được trong 7 ngày → Tìm số lít nước gia đình tiết kiệm được trong 7 ngày. 53  Bài giải  120 – 105 = 15  Trong 1 ngày, 1 người tiết kiệm được 15 *l* nước.  15 × 7 = 105  Trong 7 ngày, 1 người tiết kiệm được 105 *l* nước.  105 × 5 = 525  Trong 7 ngày, gia đình đó đã tiết kiệm được 525 *l* nước.  Hoặc: Tìm số lít nước 1 người tiết kiệm được trong 1 ngày → Tìm số lít nước cả nhà tiết kiệm được trong 1 ngày → Tìm số lít nước gia đình tiết kiệm được trong 7 ngày.  Bài giải  120 – 105 = 15  Trong 1 ngày, 1 người tiết kiệm được 15 *l* nước.  15 × 5 = 75  Trong 1 ngày, gia đình đó đã tiết kiệm được 75 *l* nước.  75 × 7 = 525 | – HS (cá nhân) đọc kĩ đề bài, **nhận biết** cái đã cho, cái phải tìm và **thực hiện**.  – HS **thực hiện** cá nhân, rồi chia sẻ với bạn.   * HS trình bày cách làm trên bảng lớp và nhận xét bài bạn. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**

................................................................................................................................

................................................................................................................................

................................................................................................................................

Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com

https://www.vnteach.com

Một sản phẩm của cộng đồng facebook Thư Viện VnTeach.Com

https://www.facebook.com/groups/vnteach/

https://www.facebook.com/groups/thuvienvnteach/